TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** THÀNH PHỐ CẦN THƠ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 82/2024/DSST Ngày: 28-6-2024 V/v: "*T/c giải quyết hậu quả của hợp đồng dân sự vô hiệu"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trung Hiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Sang**

Ông **Phạm Văn Vĩ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Bà **Võ Thị Nhu** - *Kiểm sát viên*.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2024/TLST - DS ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc "*Tranh chấp giải quyết hậu quả của hợp đồng dân sự vô hiệu".* Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXX - ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị Y L**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu vực Xẻo Vông A, phường A, thành phố B, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Kim Y**, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: số 29H13/4, Khu vực 3, phường C, quận R, thành phố Cần Thơ. Văn bản ủy quyền ngày 20.11.2023

2. Bị đơn

2.1 Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 83B, Khu vực 5, phường V, quận C, thành phố Cần Thơ.

2.2 Ông **Dương Thanh V**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

2.3 Ông **Dương Văn Đ**, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 83D, Khu vực 5, phường V, quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1 Bà **Danh Thị Kim H**, sinh năm: 1972 (Có yêu cầu xin vắng)

Địa chỉ: ấp Trầu Hôi A, xã Thạnh Xuân, huyện A, tỉnh Hậu Giang.

3.2 Bà **Trịnh Thị E**, sinh năm: 1950 (Có yêu cầu xin vắng)

Hộ khẩu thường trú: 215B đường A, phường R, Quận V, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: 44 Ấp Trà Quýt, thị trấn Y, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3.3 Ông **Dương Văn Ui**, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp 5B, xã U, huyện T, Tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ kiện đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào khoảng tháng 9 năm 2020 nguyên đơn có cho bà Đặng Thị Nga vay số tiền là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) bằng hình thức là bà Đặng Thị Nga phải làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất qua cho nguyên đơn thì nguyên đơn mới cho bà Đặng Thị Nga vay 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Sau đó vào ngày 29/09/2020 thì bà Đặng Thị Nga liên hệ với nguyên đơn để vay tiền và đồng ý làm hợp đồng chuyển nhượng qua cho nguyên đơn, hai En thỏa thuận thời hạn vay là 6 tháng (lãi suất thỏa thuận En ngoài là 1,5%/tháng) tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BK 747158, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng dấu: CH00584 do Ủy ban nhân dân huyện Châu thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07/01/2013, chỉnh lý biến động quyền sở hữu ngày 15/04/2013 do bà Danh Thị Kim H đứng tên. Hai En lập hợp đồng công chứng tại văn phòng công chứng Võ Văn Khệnh. Địa chỉ phòng công chứng: Số 808A đường Hùng Vương, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Khi ký xong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì nguyên đơn có giao cho bà Đặng Thị Nga số tiền là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Khi chuyển nhượng thì bà Nga nói đất đó là của bà Trịnh Thị E ủy quyền cho bà Nga, về sau tìm hiểu thì biết được thửa đất này là của bà Danh Thị Kim H. khi chuyển nhượng xong thì bà Nga có giao bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn giữ. Đến nay số tiền vay bà Nga vẫn chưa trả cho nguyên đơn,

bà Nga có đóng lãi cho nguyên đơn được 6 - 7 tháng thì ngưng do dịch bệnh, trong thời gian dịch bệnh thì bà Nga bệnh và chết.

Sinh thời thì bà Đặng Thị Nga có cH và sinh được 02 người con. CH bà Nga tên là ông Dương Văn Đ, con trai của bà Nga tên là Dương Thanh V, con gái của bà Nga tên là Dương Thị T. CH và con của bà Nga với tư cách là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tụng của bà Nga.

Bà Danh Thị Kim H có vay tiền của bà Trịnh Thị E số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là 02 năm. Tuy nhiên, nếu có nhu cầu trả nợ sớm thì báo cho bà E biết trước. Hai En có làm giấy thỏa thuận ngày 01/09/2020. Để làm tin hai En lập hợp đồng ủy quyền ngày 11/09/2020 theo số công chứng 2491, quyển số 02/2020/TP/CC-SCC/HĐGD. Nội dung ủy quyền bà E được thay mặt bà H ủy quyền thực hiện một số giao dịch liên đến thửa đất số 482, tờ bản đồ 4B, diện tích 801m2 (Tám trăm lẻ một mét vuông) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BK 747158, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00584 do Ủy ban nhân dân huyện Châu thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07/01/2013, chỉnh lý biến động quyền sở hữu ngày 15/04/2013 do bà Danh Thị Kim H đứng tên. Sau khi nhận đủ 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) thì bà H giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà E. Bà H đóng lãi cho bà E được một tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) sau đó ba H báo với bà E sẽ trả nợ yêu cầu bà E hủy hợp đồng ủy quyền và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, tuy nhiên bà E hứa hẹn cho đến nay vẫn chưa thực hiện.

Bà E thừa nhận vào tháng 9 năm 2022 bà E có ký giấy nợ vay của ông Dương Văn Ui sinh năm 1980. Địa chi: Ấp 5B, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng số tiền là: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) trong đó đưa cho bà H là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), bà Năng lấy 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Sau khi đưa 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho bà H, bà H có làm hợp đồng ủy quyền theo số công chứng 2491, quyển số 02/2020/TP/CC-SCC/HĐGD để ủy quyền cho bà để bà làm một số giao dịch liên quan đến thửa đất số 482, tờ bản đồ 4B, diện tích 801m2 (Tám trăm lẻ một mét vuông) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BK 747158, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00584 do Ủy ban nhân dân huyện Châu thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07/01/2013, chỉnh lý biến động quyền sở hữu ngày 15/04/2013 do bà Danh Thị Kim H đứng tên. Sau khi nhận bản gốc của bà H thì bà E đưa giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho ông Ui giữ. Sau đó ông Ui có đưa giấy gì cho bà E ký bà E không xem nội dung nên cũng không biết giấy gì. Bà E đồng ý hủy hợp đồng ủy quyền với bà H, bà E đồng ý nhận lại 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền lãi. Đối với số tiền bà E vay của ông Ui bà E sẽ tự giải quyết với ông Ui.

Miếng đất đó hiện nay do bà Danh Thị Kim H đang quản lý và sử dụng

Tại Bản án số: 151/2023/DSST ngày 18/07/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tuyên án như sau:

1/ Tuyên bố hợp đồng ủy quyền theo số công chứng 2491, quyển số 02/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/09/2020 giữa bà Danh Thị Kim H và bà Trịnh Thị E hết hiệu lực.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Danh Thị Kim H về việc trả cho bà Trịnh Thị E số tiền vốn là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Tổng cộng là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

3/ Tuyên bố Hợp đồng CNQSDĐ lập ngày 29/09/2020 theo số công chứng 1682, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Võ Văn Khệnh giữa bà Đặng Thị Nga và bà Lâm Thị Y L là vô hiệu

4/ Bà Lâm Thị Y L có trách nhiệm giao trả lại cho bà Danh Thị Kim H 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BK 747158, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00584 do Ủy ban nhân dân huyện Châu thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07/01/2013, chỉnh lý biến động quyền sở hữu ngày 15/04/2013 do bà Danh Thị Kim H đứng tên. Trường hợp bà Lâm Thị Y L không hợp tác thi hành án, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 482 cho bà Danh Thị Kim H.

Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã giải quyết hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bà Đặng Thị Nga nhưng chưa giải quyết hậu quả của hợp đồng.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Đặng Thị Nga gồm có ông Dương Thanh V, Dương Thị T, Dương Văn

Đ có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dương Thanh V trình bày:*

Ông Dương Văn Đ là cH bà Đặng Thị Nga, lúc sinh thời bà Nga và ông Đ có 02 người con là Dương Thanh V, sinh năm 1983 và Dương Thị T sinh năm 1987. Trong đợt dịch bệnh covid thì mẹ ông là bà Đặng Thị Nga qua đời vào năm 2021. Sinh thời bà Đặng Thị Nga có giao dịch vay tiền của bà Lâm Thị Y L cụ thể như sau:

Vào khoảng tháng 9 năm 2020 bà Đặng Thị Nga có liên hệ với bà Lâm Thị Y L hỏi vay số tiền là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) bằng hình thức là bà Đặng Thị Nga phải làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất qua cho bà Lâm Thị Y L thì bà Lâm Thị Y L mới cho bà Đặng Thị Nga vay 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Sau đó vào ngày 29/09/2020 thì bà Đặng Thị Nga liên hệ với bà Lâm Thị Y L để đồng ý làm hợp đồng chuyển nhượng qua cho bà Lâm Thị Y L, hai En thỏa thuận thời hạn vay là 6 tháng (lãi suất thỏa thuận En ngoài là 1,5%/tháng) tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BK 747158, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00584 do Ủy ban nhân dân huyện Châu thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07/01/2013, chỉnh lý biến động quyền sở hữu ngày 15/04/2013 do bà Danh Thị Kim H đứng tên. Hai En lập hợp đồng công chứng tại văn phòng công chứng Võ Văn Khệnh. Địa chỉ phòng công chứng: Số 808A đường Hùng Vương, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Khi ký xong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà Lâm Thị Y L có giao cho bà Đặng Thị Nga số tiền là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Khi chuyển nhượng thì bà Nga nói đất đó là của bà Trịnh Thị E ủy quyền cho bà Nga, về sau tìm hiểu thì biết được thửa đất này là của bà Danh Thị Kim H. Khi chuyển nhượng xong thì bà Nga có giao bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lâm Thị Y L giữ. Đến nay số tiền vay bà Nga vẫn chưa trả cho bà Lâm Thị Y L, bà Nga có đóng lãi cho bà Lâm Thị Y L được 6 - 7 tháng thì ngưng do dịch bệnh, trong thời gian dịch bệnh thì bà Nga bệnh và chết.

Bà Danh Thị Kim H có vay tiền của bà Trịnh Thị E số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là 02 năm. Tuy nhiên nếu có nhu cầu trả nợ sớm thì báo cho bà E biết trước. Hai En có làm giấy thỏa thuận ngày 01/09/2020. Để làm tin hai En lập hợp đồng ủy quyền ngày

11/09/2020 theo số công chứng 2491, quyển số 02/2020/TP/CC-SCC/HĐGD. Nội dung ủy quyền bà E được thay mặt bà H ủy quyền thực hiện một số giao dịch liên quan đến thửa đất số 482, tờ bản đồ 4B, diện tích 801m2 (Tám trăm lẻ một mét vuông) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BK 747158, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00584 do Ủy ban nhân dân huyện Châu thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07/01/2013, chỉnh lý biến động quyền sở hữu ngày 15/04/2013 do bà Danh Thị Kim H đứng tên. Sau khi nhận đủ 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) thì bà H giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà E. Bà H đóng lãi cho bà E 1 tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) sau đó bà H báo với bà E sẽ trả nợ yêu cầu bà E hủy hợp đồng ủy quyền và trả lại chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, tuy nhiên bà E hứa hẹn cho đến vẫn chưa thực hiện.

Bà E thừa nhận vào tháng 9 năm 2022 bà E có ký giấy nợ vay của ông Dương Văn Ui sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 5B xã Ba Trinh huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng số tiền là: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) trong đó đưa cho bà H là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), bà Năng lấy 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Sau khi đưa 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho bà H, bà H có làm hợp đồng ủy quyền theo số công chứng 2491, quyển số 02/2020/TP/CC-SCC/HĐGD để ủy quyền cho bà để bà làm một số giao dịch liên quan đến thửa đất số 482, tờ bản đồ 4B, diện tích 801m2 (Tám trăm lẻ một mét vuông) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BK 747158, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00584 do Ủy ban nhân dân huyện Châu thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07/01/2013, chỉnh lý biến động quyền sở hữu ngày 15/04/2013 do bà Danh Thị Kim H đứng tên. Sau khi nhận bản gốc của bà H thì bà E đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ui giữ. Sau đó ông Ui có đưa giấy gì cho bà E ký bà E không xem nội dung nên cũng không biết giấy gì. Bà E đồng ý hủy hợp đồng ủy quyền với bà H, bà E đồng ý nhận lại 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền lãi. Đối với số tiền bà En vay của ông Ui bà E sẽ tự giải quyết với ông Ui.

Vào ngày 29/09/2020 bà Đặng Thị Nga có cho ông Dương Văn Ui vay số tiền là: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Lãi suất hai En thỏa thuận là 3%/tháng. Thời hạn vay là 6 tháng. Từ ngày vay tiền đến nay thì ông Ui chưa trả nợ gốc cho bà Đặng Thị Nga. Ông là hàng thừa kế thứ nhất của bà Đặng Thị Nga mà bà Đặng Thị Nga đang nợ bà Lâm Thị Y L số tiền: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ

năm trăm triệu đồng) mà ông Ui thì đang nợ bà Nga số tiền: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Ông là hàng thừa kế thứ nhất của bà Đặng Thị Nga nên ông yêu cầu ông Dương Văn Ui trả nợ cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Đặng Thị Nga số tiền là: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) để cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Đặng Thị Nga lấy 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) của ông Dương Văn Ui thay bà Nga trả nợ cho bà L.

Miếng đất đó hiện nay do bà Danh Thị Kim H đang quản lý và sử dụng

Vì vậy, ông Dương Thanh V làm đơn phản tố yêu cầu ông Dương Văn Ui có trách nhiệm trả số tiền gốc 700.000.000 đồng cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Đặng Thị Nga và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 15/5/2024 thì Tòa án đã giải thích cho ông Dương Thanh V về yêu cầu khởi kiện của ông V đối với ông Dương Văn Ui là vụ kiện khác nếu ông có yêu cầu thì có thể kiện thành vụ kiện khác. Ông V đồng ý với biên bản lấy khai này.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn Dương Thanh V có ý kiến như sau: Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu những người thừa kế của bà Nga trả nợ trong đó có ông V thì ông V trình bày là không có U năng trả nợ. Ông sẽ khởi kiện bà E, ông Ui để đòi số tiền bà Nga cho vay là 700.000.000 đồng khi còn sống để trả nợ cho nguyên đơn.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Danh Thị Kim H trình bày và yêu cầu:*

Vào tháng 9/2020 bà H có mượn của bà Trịnh Thị E số tiền 150.000.000 đồng để làm tin bà H có đưa cho bà E giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đóng lời mỗi tháng cho bà E đến ngày lấy lại giấy lại bà E hẹn nhiều lần mà không trả giấy lại cho bà.

Vào tháng 8/2022 bà biết được bà E đem giấy chứng nhận của bà mang đi cầm cho bà Nga, rồi bà Nga mang đi cầm cho bà L. Thấy vậy, bà H mới làm đơn khởi kiện trong tháng 8/2022 đến ngày 13/12/2023. Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tuyên án như sau: Bà Danh Thị Kim H có trách nhiệm trả lại cho bà E số tiền 200.000.000 đồng và bà L trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Qua đó, bà H và bà E cùng bà L có thỏa thuận ở Văn phòng Công chứng Lê Thị Lệ Hằng ở thành phố Cần Thơ như sau: Bà H trả cho bà E số tiền 200.000.000 đồng, bà E đưa cho bà L số tiền 200.000.000 đồng, bà L trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hàng thừa kế

của bà Nga thì bà H không có ý kiến và bà H có đề nghị xin giải quyết vắng mặt với lý do bận chuyện gia đình (BL58-59).

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị E không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án về nội dung giải quyết vụ án mà chỉ yêu cầu giải quyết vắng mặt với lý do sức khỏe không thể tham dự phiên tòa.*

Do vụ án hòa giải không thành cho nên Tòa án đưa ra xét xử.

Tại phiên toà, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Dương Thanh V, Dương Thị T, Dương Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn Ui tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Tòa thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách đương sư, thu thập chứng cứ, hòa giải đúng luật định; gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát, đưa ra xét xử đúng hạn. Tại tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo luật định. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Về nội dung: Trên cơ sở xem xét chứng cứ và trình bày của đương sự, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ "*Tranh chấp giải quyết hậu quả của hợp đồng dân sự vô hiệu*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn Dương Văn Đ, Dương Thanh V, Dương Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn Ui trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng các bị đơn và ông Ui vẫn vắng mặt không rõ lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Danh Thị Kim H và Trịnh Thị E có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án áp dụng

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về yêu cầu trả nợ gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 29/9/2020 nguyên đơn bà Lâm Thị Y L có cho bà Đặng Thị Nga vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng (lãi suất thỏa thuận En ngoài là 1.5%/tháng). Bà Nga phải ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 482, tờ bản đồ số 4B, diện tích 801m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 747158, số vào sổ CH00584 do UBND huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07/01/2023 để đảm bảo. Khi chuyển nhượng thì bà Nga có nói đất này là của bà E ủy quyền cho bà Nga, về sau bà L mới biết đất này là của bà H. Sau đó, bà H đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị Kim H về việc yêu cầu: Tuyên bố hợp đồng ủy quyền giữa bà Danh Thị Kim H và bà Trịnh Thị E hết hiệu lực; ghi nhận bà H trả cho bà E số tiền vốn gốc là 150.000.000 đồng và lãi là 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 200.000.000 đồng; Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị Nga và bà Lâm Thị Y L ký tại Văn phòng công chứng Võ Văn Khệnh là vô hiệu; Bà L có trách nhiệm giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H…theo bản án số 151/2023/DSST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều (BL30-33); sau đó bản án của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Tại bản án số 496/2023/DS-PT ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm (BL26-29). Bà Đặng Thị Nga chết năm 2021, bà Nga có cH là Dương Văn Đ và 02 con là Dương Thanh V và Dương Thị T. Bà L đã nhiều lần yêu cầu hàng thừa kế của bà Nga thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng hàng thừa kế thứ nhất của bà Nga không thực hiện. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận C tuyên buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nga có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc 1.500.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu trả nợ của nguyên đơn thì quá trình giải quyết vụ án bị đơn Dương Thanh V trình bày lúc sinh thời cũng nghe mẹ ông là bà Nga có vay số tiền 1.500.000.000 đồng từ bà L nhưng đến nay mẹ ông mất và không có U năng trả nợ, tại bản án số 151/2023/DSST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều và bản án số 496/2023/DS-PT ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân thành

phố Cần Thơ cũng thể hiện rõ việc bà L có cho bà Nga vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Lời thừa nhận của bị đơn cũng như những tình tiết trong bản án số 151/2023/DSST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều và bản án số 496/2023/DS-PT ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ được xem là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và được chấp nhận theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hàng thừa kế thứ nhất của bà Đặng Thị Nga là ông Dương Văn Đ, Dương Thanh V, Dương Thị T trả số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

- Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

4. **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn Dương Thanh V, Dương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Đối với bị đơn Dương Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến tham dự phiên tòa. Ngoài ra, trong suốt quá trình tiến hành tố tụng bị đơn Dương Văn Đ không cung cấp các tài liệu chứng cứ và đơn xin miễn giảm án phí theo qui định cho nên bị đơn Dương Văn Đ vẫn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo qui định.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo qui định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 117, 119, 122, 124, 131, 357, 463, 468, 470, 609, 611, 612, 613, 614, 615, 651 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQHK14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Y L.

- Buộc các bị đơn thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Đặng Thị Nga gồm Dương Văn Đ, Dương Thanh V, Dương Thị T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Lâm Thị Y L số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với các bị đơn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn phải chịu 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn được nhận lại 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003206 ngày 19/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. C;
- Chi cục THA Q.C;
- Lưu HS.

Bùi Trung Hiến